

Số: 14 /2020/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHOÁ IX KỶ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT- BTP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 7174/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết quy định phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

3. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

4. Đối tượng miễn nộp phí

a) Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của người thực hiện dịch vụ đăng ký.

c) Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

5. Tổ chức thu phí

Cơ quan được thu phí theo quy định.

6. Mức thu phí

Mức thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (chi tiết tại Biểu mức thu kèm theo).

7. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.

a) Cơ quan thu phí được trích để lại 100% số phí thu được.

b) Các nội dung liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, mức thu phí bằng 80% mức thu phí quy định tại Nghị quyết này.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, mức thu phí bằng 100% mức thu phí quy định tại Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020. *2/8/20*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT, PTH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Phú Cường

**BIỂU MỨC THU****Phí đăng ký giao dịch bảo đảm***(Kèm theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	LOẠI HỒ SƠ	ĐVT	MỨC THU PHÍ (đồng)	
			Tổ chức	Hộ gia đình, cá nhân
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất	Hồ sơ/Thừa/GCN	460.000	220.000
2	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ/Thừa/GCN	450.000	260.000
3	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ/Thừa/GCN	590.000	320.000
4	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Hồ sơ/Thừa/GCN	450.000	260.000
5	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.	Hồ sơ/Thừa/GCN	590.000	320.000
6	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng không phải là nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khác theo quy định của pháp luật	Hồ sơ/Thừa/GCN	590.000	320.000
7	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký			
a	Thay đổi nội dung thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ/Thừa/GCN	460.000	220.000
b	Thay đổi nội dung thế chấp riêng đối với tài sản	Hồ sơ/Thừa/GCN	450.000	260.000
c	Thay đổi nội dung thế chấp đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai	Hồ sơ/Thừa/GCN	590.000	320.000
8	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp			

STT	LOẠI HỒ SƠ	ĐVT	MỨC THU PHÍ (đồng)	
			Tổ chức	Hộ gia đình, cá nhân
a	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ/Thửa/GCN	410.000	180.000
b	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản	Hồ sơ/Thửa/GCN	400.000	220.000
c	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai	Hồ sơ/Thửa/GCN	530.000	280.000
9	Xóa đăng ký thế chấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất			
a	Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất	Hồ sơ/Thửa/GCN	460.000	220.000
b	Xóa đăng ký thế chấp riêng đối với tài sản	Hồ sơ/Thửa/GCN	450.000	260.000
c	Xóa đăng ký thế chấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ/Thửa/GCN	580.000	320.000

Trường hợp hồ sơ đăng ký thế chấp có nhiều giấy chứng nhận thì từ giấy chứng nhận thứ hai trở đi thu thêm 40.000 đồng/giấy chứng nhận./.